

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1280/2023/DSPT

Ngày: 29/12/2023

V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Ánh

Bà Nguyễn Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Cao Hoàng Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 29 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2023/DSPT ngày 02 tháng 10 năm 2023, về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 206/2023/DS-ST ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5100/2023/QĐ-PT ngày 14/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16510/QĐ-PT ngày 11/12/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ánh T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số H A, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Kim H, thuộc đoàn luật sư Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Quang L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số D A, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trần Thị Ánh M, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số D A, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà M: Bà Nguyễn Thị Thanh L1, sinh năm 1984 (Có mặt);

Địa chỉ: Số F Ấ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông Trần Văn M1, sinh năm 1948 (chết ngày 09/12/2023);

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông M1:

3.2.1. Bà Trần Thị Ánh T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số H Ấ, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2.2. Ông Trần Quang L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số D Ấ, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Bùi Thị Hồng S, sinh năm 1983;

3.4. Trẻ Trần Ngọc Thiên N, sinh năm 2013;

3.5. Trẻ Trần Gia H1, sinh năm 2016;

Địa chỉ: Số D Ấ, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của trẻ N và trẻ H1: Bà Bùi Thị Hồng S và ông Trần Quang L.

Đại diện theo ủy quyền của bà S: Ông Trần Quang L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số D Ấ, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Quang L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M1.

(Phiên tòa có mặt bà Trần Thị Ánh T, ông Trần Quang L, bà Nguyễn Thị Thanh L1, Luật sư Nguyễn Thị Kim H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2019 và các bản khai, biên bản hòa giải của nguyên đơn bà Trần Thị Ánh T trình bày:

Căn nhà số A (số cũ C) Ấ, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của mẹ bà T – bà Huỳnh Thị Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thửa đất số 24, tờ bản đồ 51, sổ vào sổ cấp GCN: 843/UB.GCN do Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/3/2009. Chồng bà Huỳnh Thị Đ là ông Trần Văn M1 đã ký hợp đồng tặng cho phần sở hữu của mình cho bà Đ vào ngày 23/10/2008 tại Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh và có đơn cam kết đây là tài sản riêng của bà Đ trong thời kỳ hôn nhân và cam kết đồng ý cho bà Đ phân diện tích nhà và đất chênh lệch và không tranh chấp hay khiếu nại gì liên quan đến việc tặng cho này nữa được Ủy ban nhân dân Phường I, quận T chứng nhận ngày 16/01/2009. Quá trình chung sống, ông Trần Văn M1 và bà Huỳnh Thị Đ có tổng cộng 03 người con gồm:

Trần Thị Ánh T, sinh năm 1988; Trần Quang L, sinh năm 1987; Trần Thị Ánh M, sinh năm 1992. Ngày 06/02/2019, bà Huỳnh Thị Đ chết không để lại di chúc. Hiện nay, ông Trần Quang L sinh sống tại căn nhà trên. Bà Trần Thị Ánh M chưa có nơi ở ổn định, phải ở nhờ nhà người khác nhưng ông L không đồng ý cho bà M vào ở cũng như không đồng ý chia phần di sản trên cho các đồng thừa kế.

Nay, nguyên đơn đề nghị Tòa án chia phần di sản là nhà và đất tại địa chỉ số A (số C) Ấ, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho các đồng thừa kế theo quy định pháp luật, những người được thừa kế tài sản của bà Đ gồm: Ông M1, ông L, bà M và bà T; mỗi người được hưởng là $\frac{1}{4}$ giá trị căn nhà. Ngày 09/12/2020, Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã tiến hành định giá căn nhà trên với giá 7.803.218.366 đồng, bà T thống nhất với giá đã định và không có yêu cầu định giá lại, $\frac{1}{4}$ giá trị nhà tương đương số tiền 1.950.804.591 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Trần Văn M1 trình bày: Ông và bà Huỳnh Thị Đ là vợ chồng chung sống với nhau có 03 người con: Trần Thị Ánh T, sinh năm 1988; Trần Quang L, sinh năm 1987; Trần Thị Ánh M, sinh năm 1992. Nguồn gốc căn nhà và đất tại địa chỉ số A (số C) Ấ, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là do ông M1 mua lại của Hợp tác xã P (Theo Hợp đồng mua bán nhà số 1967 ngày 21/3/1998). Ngày 23/10/2008, ông M1 có làm hợp đồng tặng cho nhà số C để tặng cho căn nhà trên cho bà Huỳnh Thị Đ vì lý do ông ít học nên ngại lui tới làm việc với chính quyền. Ngày 09/12/2020, Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã tiến hành định giá căn nhà trên với giá 7.803.218.366 đồng. Ông M1 thống nhất và đồng ý với giá mà Hội đồng định giá đã định. Ngày 12/5/2022, ông M1 có đơn yêu cầu độc lập, nguyện vọng của ông là muốn để căn nhà số A (số cũ C) Ấ, Phường I, quận T làm nơi thờ cúng. Nếu Tòa án phải chia theo quy định pháp luật thì ông M1 yêu cầu được hưởng 50% là phần sở hữu của ông M1 trong khối tài sản chung với bà Đ và 12,5% là phần ông M1 được hưởng thừa kế của bà Đ, tổng cộng ông M1 yêu cầu được hưởng là 62,5% giá trị căn nhà số A (số cũ C) Ấ, Phường I, quận T tương đương với số tiền 4.877.011.478 đồng.

Bị đơn ông Trần Quang L trình bày: Nguồn gốc căn nhà số A (số cũ C) Ấ, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của cha mẹ ông L là bà Huỳnh Thị Đ và ông Trần Văn M1. Bà Đ và ông M1 có 03 người con gồm ông, bà: Trần Thị Ánh T, bà Trần Thị Ánh M, Trần Quang L. Ngày 06/02/2019, bà Đ chết không để lại di chúc. Ông L cũng thống nhất và đồng ý với yêu cầu độc lập của ông M1, ông L không có yêu cầu đối với phần giá trị sửa chữa căn nhà. Ngày 09/12/2020, Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã tiến hành định giá căn nhà trên với giá 7.803.218.366 đồng. Ông L thống nhất và đồng ý với giá mà Hội đồng định giá đã định, tổng cộng phần ông M1 được hưởng là 62,5% tương đương số tiền 4.877.011.478 đồng; ông L, bà T, bà M mỗi người được hưởng 12,5% tương đương số tiền 975.402.295 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ánh M trình bày: Căn nhà số A (số cũ C) Ấ, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của mẹ bà M – bà Huỳnh Thị Đ (chết ngày 06/02/2019) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thửa đất số 24, tờ bản đồ 51, số vào sổ cấp GCN: 843/UB.GCN do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 10/3/2009. Chồng của bà Đ là ông Trần Văn M1, quá trình chung sống, ông M1 và bà Đ có tổng cộng 03 người con: Trần Thị Ánh T, sinh năm 1988; Trần Quang L, sinh năm 1987; và bà Trần Thị Ánh M, sinh năm 1992. Bà Huỳnh Thị Đ chết ngày 06/02/2019 không để lại di chúc. Nay bà Trần Thị Ánh T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Đ làm 04 phần cho 04 đồng thừa kế thì bà M đồng ý, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Hồng S, trẻ Trần Ngọc Thiên N, trẻ Trần Gia H1 có ông Trần Quang L làm người đại diện hợp pháp thống nhất với yêu cầu của ông M1 và ông L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 206/2023/DS-ST ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ánh T đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Huỳnh Thị Đ.

Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông Trần Văn M1; chấp nhận yêu cầu của ông M1 đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Huỳnh Thị Đ.

1.1 Xác định di sản thừa kế của bà Huỳnh Thị Đ để lại là căn nhà số A (số cũ 4) Ấ, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Những người được hưởng di sản thừa kế của bà Huỳnh Thị Đ gồm ông Trần Văn M1, ông Trần Quang L, bà Trần Thị Ánh T và bà Trần Thị Ánh M.

1.3 Giao cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi bán đấu giá căn nhà số A (số cũ 4) Ấ, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh chia cho 04 đồng thừa kế của bà Huỳnh Thị Đ gồm ông Trần Văn M1, ông Trần Quang L, bà Trần Thị Ánh T và bà Trần Thị Ánh M, mỗi người $\frac{1}{4}$ giá trị nhà tại thời điểm phát mãi. Khi cơ quan có thẩm quyền có yêu cầu phát mãi tài sản, bà Trần Thị Ánh T có trách nhiệm giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyết sở hữu nhà số 843/UB.GCN do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 10/3/2009 cho bà Huỳnh Thị Đ; ông Trần Quang L và những người cư trú trong căn nhà căn nhà số A (số cũ C) Ấ, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phải có trách nhiệm giao lại tài sản cho cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 21/6/2023 bị đơn ông Trần Quang L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M1 nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn cung cấp (bản sao) trích lục khai tử số 780/TLKT-BS ngày 13/12/2023 của Ủy ban nhân dân Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ông Trần Văn M1 chết ngày 09/12/2023.

Các đương sự ông L, bà T, bà L1 cùng thống nhất những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M1 gồm các con ông M1 là: Ba người con của ông M1 với bà Huỳnh Thị Đ là ông Trần Quang L, bà Trần Thị Ánh T, bà Trần Thị Ánh M và ba người con riêng của ông M1 là ông Trần Quang V, ông Trần Quang K, ông Trần Quang K1. Cha mẹ của ông M1 là ông Trần Văn X, chết năm 1968 và bà Nguyễn Thị L2, chết năm 2021, vợ của ông M1 là bà Huỳnh Thị Đ, chết năm 2019.

Nay bà T, bà L1 đại diện theo ủy quyền của bà M và người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn cùng thống nhất ý kiến: Tại cấp sơ thẩm ông L không có yêu cầu về chi phí sửa chữa nhà ở và chi phí mai táng vì khi sửa chữa nhà ông L cam kết ở phường là sửa chữa nhỏ không làm thay đổi kết cấu nên chi phí tự nguyện không có yêu cầu gì về chi phí sửa chữa, về chi phí mai táng thì đám tang có chấp điều đã cản trở, ông L cũng không có các yêu cầu về công sức quản lý, bảo quản, chăm lo di sản của bà Đ và chi phí của những người sống nương nhờ nên ông L nộp đơn phản tố cũng như thực hiện các qui định pháp luật đối với yêu cầu của ông L. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà T là một trong những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M1 đề nghị rút kháng cáo của ông M1.

Bị đơn ông Trần Quang L trình bày: Ông L yêu cầu các đồng thừa kế còn lại thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông L các khoản chi phí trước khi chia di sản thừa kế bà Đ để lại như sau:

- + Chi phí mai táng cho bà Đ là 216.000.000 đồng, bao gồm chi phí đám tang là 98.000.000 đồng, tiền đãi sàng sau khi hỏa thiêu khoảng 18.000.000 đồng; tiền cúng 49 ngày là hơn 20.000.000 đồng; tiền cúng 100 ngày là khoảng 80.000.000 đồng (đính kèm bản photo Hợp đồng mai táng, hợp đồng nhóm nấu ăn di Ba).

- + Ông L là người có công quản lý, bảo quản, chăm lo di sản của bà Đ từ năm 2003 đến nay nên ông L phải được một số tiền thỏa đáng. Cụ thể là lương công nhân 8.000.000 đồng/tháng x thời gian từ năm 2003 đến nay, tương đương số tiền 1.920.000.000 đồng.

- + Chi phí mà ông L và vợ ông L (bà S) đã bỏ ra để bảo dưỡng, tu sửa những hư hỏng tự nhiên của căn nhà như: nâng nền, thay gạch toàn bộ căn nhà, đổ sàn bê tông 25m² tầng 1, xây tường ngăn phòng, xây toilet, trổ cửa hông đằng trước, gắn cửa nhôm mới các cửa phòng, sơn dầu toàn bộ căn nhà, dọn dẹp lò

củi quay heo, mua sắm lò quay mới bằng inox là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) .

+ Vợ ông L là bà Bùi Thị Hồng S, và các con của ông L là trẻ Trần Ngọc Thiên N, trẻ Trần Gia H1 là những người đang học hành và sinh sống nhờ ở căn nhà trên nên phải trả cho họ một khoản tiền thỏa đáng khoản 500.000.000 đồng.

Trước đây tại phiên tòa sơ thẩm, ông L không có làm đơn yêu cầu, không có đóng tiền tạm ứng chi phí tố tụng cho các yêu cầu này nhưng có đề nghị mà Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét.

Ông L cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M1, ông L không đồng ý rút kháng cáo của ông M1. Ông L cung cấp bản photocopy trích lục khai sinh của ông Trần Quang V, ông Trần Quang K, ông Trần Quang K1. Sổ hộ khẩu của ông M1 thể hiện ông K, ông V, ông K1 có quan hệ cha con với ông M1, bản di chúc của ông M1 và ông L yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của ông M1 để lại (phần di sản của ông M1 được hưởng từ bà Đ) theo di chúc cho ông L cũng như giải quyết các chi phí chữa bệnh, chi phí mai táng của ông M1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Do phát sinh tình tiết mới, yêu cầu mới, cần đưa thêm người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M1 vào tham gia tố tụng nên đề nghị hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 206/2023/DS-ST ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Bị đơn ông Trần Quang L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M1 nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Quang L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M1 được chấp nhận.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở xác định đây là vụ án “Tranh chấp di sản thừa kế hay tranh chấp tài sản thừa kế”. Di sản thừa kế và nơi cư trú của bị đơn đều ở quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Tân Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Do có kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Ngày 21/6/2023 bị đơn, ông Trần Quang L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M1 nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trên.

Xét, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/12/2023 các đương sự cung cấp bản sao trích lục khai tử số 780/TLKT-BS ngày 13/12/2023 của Ủy ban nhân dân Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; bản photocopy trích lục khai sinh của ông Trần Quang V, ông Trần Quang K, ông Trần Quang K1, sổ hộ khẩu của ông M1, các đương sự đều thống nhất ý kiến xác nhận ông Trần Văn M1 chết ngày 09/12/2023. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M1 gồm: Ông Trần Quang L, bà Trần Thị Ánh T, bà Trần Thị Ánh M và ba người con riêng của ông M1 là ông Trần Quang V, ông Trần Quang K, ông Trần Quang K1.

Nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng tham gia với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông M1 có quan hệ đối lập nhau, không thống nhất được ý kiến với nhau về việc cấp sơ thẩm chia phần thừa kế của ông M1 được hưởng từ việc chia thừa kế của bà Đ, không thống nhất việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông M1 để lại theo bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Trần Quang L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét về công sức quản lý, bảo quản, chăm lo di sản của bà Đ và chi phí của những người sống nương nhờ, chi phí sửa chữa nhà ở và chi phí mai táng của bà Đ. Bên cạnh đó ông L xuất trình chứng cứ mới là bản di chúc của ông M1 và phát sinh yêu cầu mới được nhận toàn bộ phần di sản của ông M1 được hưởng từ việc chia thừa kế của bà Đ cũng như giải quyết các chi phí chữa bệnh, chi phí mai táng của ông M1.

Như vậy, tại giai đoạn cấp phúc thẩm phát sinh tình tiết mới, yêu cầu mới cần phải đưa thêm người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M1 vào tham gia tố tụng để xem xét giải quyết yêu cầu của ông M1 về việc chia di sản thừa kế của bà Đ, yêu cầu của ông L về việc được hưởng toàn bộ phần di sản thừa kế của ông M1 được hưởng từ việc chia di sản thừa kế của bà Đ, cũng như

việc thực hiện các nghĩa vụ thanh toán của bà Đ, ông M1, người để lại di sản thừa kế trước khi chia thừa kế. Do đó, để đảm bảo quyền, nghĩa vụ của các đương sự cũng như đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử và giải quyết vụ án một cách toàn diện, triệt để cần hủy Bản án sơ thẩm số 206/2023/DS-ST ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để chia lại di sản thừa kế của bà Đ và ông M1.

[2.1] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xem xét, quyết định khi vụ án được xét xử lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên án phí dân sự phúc thẩm người kháng cáo không phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 206/2023/DS-ST ngày 09/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xem xét, quyết định khi vụ án được xét xử lại.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Trần Quang L số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0023256 ngày 26/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Thị Kim Cương